

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng
Nông thôn mới xã Nam Du, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN HẢI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của
Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của
Chính phủ sửa đổi Nghị định số 37/2010/NĐ-CP về lập, thẩm định, phê duyệt và
quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP hướng dẫn về quy
hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 388/QĐ-TTg ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Thủ
tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển
kinh tế - xã hội tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng
nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và
bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2022 của
Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Kiên
Giang giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ
Xây dựng về việc ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về
Quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ
Xây dựng quy định về hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy
hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức
năng và quy hoạch nông thôn;*

Căn cứ Quyết định số 1303/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 1707/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 2542/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng Nông thôn mới tỉnh Kiên Giang năm 2022;

Căn cứ Công văn số 2074/SXD-QHKT ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Sở Xây dựng tỉnh Kiên Giang về việc ý kiến về Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Nông thôn mới xã Nam Du, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 1216/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Kiên Hải phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Nông thôn mới xã Nam Du, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng nhân dân xã Nam Du về việc thông qua Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Nam Du, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế hạ tầng - Tài nguyên và Môi trường huyện Kiên Hải tại Tờ trình số 150/TTr-KTHT-TNMT ngày 06 tháng 9 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Nông thôn mới xã Nam Du, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang với các nội dung sau:

1. Quy mô, phạm vi ranh giới

Nam Du một trong 04 xã đảo của huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang, nằm ở phía Tây Nam huyện Kiên Hải trong vùng biển Tây thuộc vịnh Thái Lan. Toàn xã có 10 đảo nổi lớn nhỏ: Hòn Dầu, Hòn Bò Áo, Hòn Đụng Nhỏ, Hòn Đụng Lớn, Hòn Ngang, Hòn Lò Nhỏ, Hòn Lò Lớn, Hòn Bờ Đập, Hòn Đô Nai, Hòn Mầu. Vị trí địa lý cụ thể được giới hạn như sau:

- + Phía Bắc giáp vùng biển huyện Kiên Lương và Hòn Đất;
- + Phía Tây giáp xã An Sơn, vịnh Thái Lan;
- + Phía Đông giáp vùng biển xã Lại Sơn, xã Hòn Tre, vịnh Rạch Giá;
- + Phía Nam giáp vùng biển Cà Mau.
- Tổng quy mô lập quy hoạch đến năm 2040 khoảng 234,28ha. Trong đó:
- + Phần đất liền (hiện hữu): Khoảng 197,4ha.

+ Phần mở rộng không gian biển: Khoảng 36,88ha (chưa kể khu hậu cần nghề cá khoảng 25ha).

2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất chức năng của xã

2.1. Mục tiêu

- Nâng cao đời sống vật chất tinh thần của người dân nông thôn. Xây dựng hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển nông thôn đồng bộ và từng bước hiện đại, đảm bảo môi trường cảnh quan nông thôn, giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa, tập quán dân tộc, kết hợp bảo vệ môi trường sinh thái của địa phương, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

- Đồ án điều chỉnh Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Nam Du định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã đến năm 2040 nhằm đạt Tiêu chí số 1 thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới là điều kiện cần để xét công nhận Nông thôn mới theo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đã được Ủy ban nhân dân tỉnh đề ra (theo Quyết định số 1303/QĐ-UBND ngày 30/05/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang).

- Đồ án điều chỉnh Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Nam Du tạo tiền đề cho việc nâng xã lên đô thị trong giai đoạn 2021-2025 (theo Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030) và cụ thể hóa quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, khai thác và phát huy các tiềm năng, lợi thế nhằm đáp ứng nhu cầu mới, hội nhập và phát triển, thúc đẩy quá trình đô thị hóa và tăng trưởng kinh tế.

2.2. Tính chất, chức năng

- Xã Nam Du với chức năng định hướng là khu vực phát triển du lịch trong chuỗi du lịch trong quần đảo Nam Du (bao gồm 2 xã An Sơn và Nam Du) dựa trên các nền tảng cảnh quan thiên nhiên Rừng và Biển, làng nghề truyền thống, kinh tế biển... với nhiều loại hình du lịch biển đặc sắc.

- Định hướng đa dạng hóa các loại hình du lịch biển đảo như: Du lịch sinh thái biển, đảo; du lịch nghỉ dưỡng; du lịch làng nghề (văn hóa làng chài, vá lưới kết hợp với loại hình ra khơi đánh bắt cùng ngư dân); du lịch thể thao mạo hiểm kết hợp loại hình vui chơi giải trí; du lịch văn hóa tâm linh; du lịch thiền và yoga; du lịch trăng mật, du lịch hội thảo, hội nghị...

3. Quy mô dân số, lao động; các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu

3.1. Quy mô dân số, lao động

- Hiện trạng năm 2021: Dân số toàn xã khoảng 3.405 người.

- Đến năm 2030: Dân số toàn xã khoảng 5.000 - 5.500 người.

- Đến năm 2040: Dân số toàn xã khoảng 7.000 - 8.000 người.

3.2. Các chỉ tiêu chủ yếu

a. Dự báo quy mô đất đai:

- Đất dân dụng hiện tại khoảng 17,74ha, chỉ tiêu sử dụng đất nông thôn đạt trên $37\text{m}^2/\text{người}$.

- Yêu cầu đất xây dựng khu dân cư đến năm 2030: Khoảng 49,23ha, chỉ tiêu sử dụng đất đạt 50 - $100\text{m}^2/\text{người}$ ($68,29\text{m}^2/\text{người}$).

- Yêu cầu đất xây dựng khu dân cư đến năm 2040: Khoảng 68,29ha, chỉ tiêu sử dụng đất khoảng 50 - $100\text{m}^2/\text{người}$ ($78,12\text{m}^2/\text{người}$).

b. Chỉ tiêu quy hoạch:

- Diện tích hiện hữu:	197,40ha
- Đến năm 2030:	199,35ha
- Đến năm 2040:	234,28ha
+ Đất xây dựng:	120,44ha
+ Đất nông nghiệp:	113,84ha
- Quy mô dân số năm 2040:	7.000 - 8.000 người
- Chỉ tiêu điểm dân cư nông thôn:	$\geq 37\text{m}^2/\text{người}$
- Chỉ tiêu đất xây dựng đô thị loại IV đến năm 2040:	50 - $100\text{m}^2/\text{người}$
+ Chỉ tiêu đất ở:	50 - $55\text{m}^2/\text{người}$
+ Chỉ tiêu đất xây dựng chức năng thương mại dịch vụ, hỗn hợp:	2 - 4 $\text{m}^2/\text{người}$
+ Chỉ tiêu đất công cộng:	4 - $6\text{m}^2/\text{người}$
+ Chỉ tiêu đất cây xanh:	8 - $15\text{m}^2/\text{người}$
+ Chỉ tiêu đất giao thông:	10 - $15\text{m}^2/\text{người}$
+ Tầng cao tối đa:	7 tầng
- Mật độ xây dựng	
+ Khu du lịch:	$\leq 25\%$
+ Khu dân cư:	$\leq 60\%$

c. Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

- Chỉ tiêu phụ tải cấp điện sinh hoạt	: $\geq 330\text{W}/\text{người}$.
- Chỉ tiêu phụ tải cấp điện công cộng	: 30% điện sinh hoạt.
- Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt	: ≥ 80 lít/người/ngày.
- Chỉ tiêu cấp nước công cộng	: 10% nước sinh hoạt.
- Chỉ tiêu cấp nước sản xuất, TT công nghiệp	: $\geq 8\%$ nước sinh hoạt.
- Chỉ tiêu thoát nước thải	: $\geq 80\%$ lượng nước cấp.

- Chỉ tiêu rác thải

: $\geq 0,9\text{kg/người/ngày}$.

4. Phân khu chức năng

4.1. Quy hoạch đất xây dựng khu dân cư

Diện tích đất khu dân đến năm 2040 toàn xã Nam Du: Khu dân cư Hòn Ngang, khu dân cư Hòn Mấu, khu dân cư Hòn Dầu, Bỏ Áo, dân cư Hòn Bờ Đập, Hòn Đụng Lớn, Đụng Nhỏ tổng diện tích khoảng 68,29ha.

4.2. Quy hoạch lấn biển

- Mở rộng không gian biển tạo quỹ đất xây dựng khu dân cư, du lịch, khu hậu cần nghề cá đến năm 2030 so với hiện trạng: $1,95\text{ha} + 25\text{ha} = 26,95\text{ha}$. (trong đó 25ha quy hoạch khu hậu cần nghề cá phía tây Hòn Ngang làm khu chức năng hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn của xã Nam Du).

- Mở rộng không gian biển tạo quỹ đất xây dựng khu dân cư và du lịch đến năm 2040 so với hiện trạng là 36,88ha (chưa bao gồm 25ha khu hậu cần nghề cá).

4.3. Quy hoạch đất xây dựng các khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn (các khu du lịch và khu hậu cần nghề cá)

Tổng diện tích đất du lịch đến năm 2040 là 29,57ha, đáp ứng nhu cầu của khoảng 156.585 lượt khách với quy mô tương đương 1.100 phòng khách sạn gồm:

+ Khu du lịch Hòn Bờ Đập khoảng 12,63ha

+ Khu du lịch Hòn Ngang khoảng 6,11ha

+ Khu du lịch Hòn Mấu khoảng 10,83ha

(Khu vực: Hòn Dầu có liên quan đến quốc phòng nên không bố trí du lịch)

4.4. Quy hoạch các phân khu chức năng chính đến 2040

Diện tích xã Nam Du 234,28ha bao gồm 10 đảo được phân làm 6 khu lớn:

- Khu I: Gồm 02 đảo là hòn Dầu và hòn Bỏ Áo với quy mô 62,92ha là khu vực đất quốc phòng và rừng phòng hộ.

- Khu II: Gồm 03 đảo hòn Ngang, hòn Lò Lớn và Lò Nhỏ với tổng diện tích 75,08ha. Là một trong 02 khu vực dân cư chính của xã Nam du, là trung tâm hành chính xã, dịch vụ công cộng kết hợp du lịch. Được phân làm 02 khu nhỏ hơn:

+ Khu II-A khu du lịch diện tích khoảng 0,78ha: Bao gồm hòn Lò Lớn, Lò Nhỏ.

+ Khu II-B khu dân cư diện tích khoảng 74,30ha: khu vực dân cư hiện hữu và mở rộng lấn biển hòn Ngang, kết hợp chức năng công cộng, dịch vụ, hành chính.

- Khu III: Gồm hòn Bờ Đập với diện tích khoảng 29,07ha. Chức năng chính của khu III là phát triển du lịch nghỉ dưỡng cao cấp. Đề xuất áp dụng loại hình thuê mặt biển để khai thác du lịch.

- Khu IV: Gồm toàn bộ Hòn Mấu tới tổng diện tích khoảng 60,69ha. Là một trong 2 khu vực dân cư chính của xã Nam Du, đề xuất phát triển lấn biển nhằm bổ sung quỹ đất thuận lợi xây dựng.

- Khu V: Gồm hòn Đô Nai với diện tích 1,41ha. Do quy mô và địa hình ít thuận lợi xây dựng nên chức năng chủ yếu của khu V là rừng phòng hộ.

- Khu VI: Gồm hòn Đụng Lớn và Đụng Nhỏ với diện tích 5,11ha. Do quy mô và địa hình ít thuận lợi xây dựng nên chức năng chủ yếu của khu VI là rừng phòng hộ.

5. Định hướng tổ chức không gian xã

5.1. Định hướng không gian để phát triển du lịch

- Định hướng không gian xã Nam Du đến năm 2040 hướng đến mục tiêu hình thành một mô hình quần đảo du lịch khép kín. Trong hệ thống các đảo của xã Nam Du xác định lấy hòn Ngang và hòn Mấu làm 2 trung tâm dân cư chính. Còn các đảo khác có quy mô phù hợp đề xuất phát triển du lịch dạng các resort nghỉ dưỡng... Các khu vực chức năng trong xã Nam Du sẽ hướng đến tăng cường khả năng tiếp cận bằng đường biển, cụ thể:

+ Hòn Ngang và hòn Mấu phát triển hỗn hợp dân cư, công cộng dịch vụ và du lịch. Trong đó trung tâm hành chính xã Nam Du xác định đặt tại hòn Ngang.

+ Để đảm bảo quỹ đất thuận lợi phát triển đề xuất phát triển lấn biển Hòn Ngang (phía Nam và phía Tây Hòn Ngang) và lấn biển hòn Mấu. Các khu lấn biển mới chủ yếu phục vụ cho chức năng du lịch, dân cư mới và khu vực hậu cần nghề cá.

+ Hoàn thiện dự án tránh trú bão của hòn Ngang, hoàn thiện các quy hoạch lấn biển đang triển khai hiện tại, khoanh vùng các khu vực chỉnh trang, công cộng dịch vụ...

+ Với các đảo không có quy mô và địa hình thuận lợi đề xuất giữ gìn và phát triển rừng phòng hộ, giữ cảnh quan hoang sơ.

5.2. Định hướng không gian kiến trúc khu dân cư

- Đối với khu dân cư nông thôn chỉnh trang:

Cải tạo nhà ở làng xóm cũ, cần tôn trọng nét đặc trưng nhà ở truyền thống nhưng phải tạo dựng được không gian sống hiện đại, môi trường trong sạch theo tiêu chí mới. Khi tiến hành cải tạo, chỉnh trang điểm dân cư hiện hữu phải đánh giá thực trạng quy hoạch sử dụng đất của khu dân cư, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và khu dành cho các mục đích khác. Khu vực đã sử dụng ổn định, phù hợp với quy hoạch được giữ lại; khu vực đã ổn định cần chỉnh trang, cải tạo. Những khu đất không còn phù hợp phải chuyển đổi mục đích sử dụng. Tuỳ theo tiềm năng

và thế mạnh về phát triển kinh tế của địa phương xác định rõ mô hình khu vực nông nghiệp, phi nông nghiệp, khu vực có nghề truyền thống, dịch vụ du lịch, thương mại... Đồng thời xây dựng hệ thống dẫn nước sinh hoạt tới các hộ gia đình; xây dựng hệ thống thu gom và vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; xây dựng rãnh thoát nước trong các xóm và các hạ tầng khác phục vụ sinh hoạt, kinh doanh, sản xuất.

- Đối với khu dân cư nông thôn quy hoạch mới:

Định hướng phát triển dân cư trên cơ sở phù hợp thực tế, tránh xáo trộn đến đời sống Nhân dân: Về không gian những phần diện tích đất canh tác ao nhỏ xen lẫn trong khu dân cư và đất trống chưa sử dụng, đất trồng cây hàng năm khác sẽ được quy hoạch vào đất ở. Khi quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn tuân thủ các chỉ tiêu quy định trong Tiêu chuẩn quy hoạch nông thôn – tiêu chuẩn thiết kế và tuân thủ theo các yêu cầu sau:

+ Khu xây dựng mới cần khuyến khích xây dựng nhà ở từ 1 đến 5 tầng, màu sắc hài hoà với cảnh quan nông thôn, phù hợp với tiêu chí nông thôn theo quy định.

+ Khu đất xây dựng điểm dân cư nông thôn phải đảm bảo điều kiện liên hệ thuận tiện trong sinh hoạt và sản xuất của người dân.

+ Đất xây dựng dân cư phải có đủ cơ sở để hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là giao thông, cấp điện và cấp nước nhằm bảo đảm các yêu cầu cấp thiết cho sinh hoạt và sản xuất của người dân cư ngụ trong hệ thống dân cư trên địa bàn toàn xã.

+ Đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh: Đảm bảo chỉ tiêu sử dụng đất cho việc xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước, xử lý nước thải, vệ sinh môi trường và an toàn cháy nổ, an ninh, quốc phòng, du lịch, văn hoá, lịch sử, tín ngưỡng.

+ Chỉ tiêu sử dụng đất xây dựng cho các điểm dân cư nông thôn phải phù hợp với điều kiện đất đai của từng địa phương.

6. Quy hoạch sử dụng đất

- Đến năm 2030, dân số toàn xã là 5.000 - 5.500 người. Tổng diện tích 199,35ha. Chỉ tiêu đất ở đô thị đạt 88,27m²/người.

- Đến năm 2040, dân số toàn xã là 7.000 - 8.000 người. Tổng diện tích 234,28ha. Chỉ tiêu đất ở đô thị đạt 78,12m²/người.

Quy hoạch sử dụng đất xã Nam Du các giai đoạn

STT	LOẠI ĐẤT	TỚI NĂM 2030		TỚI NĂM 2040		
		DIỆN TÍCH (ha)	TỶ LỆ (%)	DIỆN TÍCH (ha)	TỶ LỆ (%)	CHỈ TIÊU (m ² /ng ười)

A	ĐẤT XÂY DỰNG	77,76		120,44		
I	ĐẤT KHU DÂN CƯ	49,23	100%	68,29	100%	78,12
1	Đất ở	29,48	59,89%	41,10	60,18%	48,35
2	Đất xây dựng chức năng thương mại dịch vụ, hỗn hợp	1,62	3,30%	1,82	2,67%	2,14
3	Đất công cộng	2,86	5,81%	3,57	5,23%	4,20
4	Đất cây xanh	4,71	9,57%	11,00	16,10%	12,94
5	Đất giao thông	9,87	20,05%	8,92	13,06%	10,49
6	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	0,68	1,38%	1,88	2,76%	
II	ĐẤT NGOÀI KHU DÂN CƯ	28,53		52,15		
1	Đất xây dựng các chức năng khác	10,58		41,28		
2	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	0,15		0,77		
3	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề	-		-		
4	Đất tôn giáo, danh lam, di tích, đình đền	0,47		0,47		
5	Đất quốc phòng, an ninh	0,89		9,63		
6	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	-		-		
7	Đất dự trữ phát triển	16,44		-		
B	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	121,59		113,84		
1	Đất trồng trọt khác (cây lâu năm)	32,26		30,86		
2	Đất rừng phòng hộ	89,33		82,98		
C	ĐẤT KHÁC	-		-		
TỔNG		199,35		234,28		

7. Quy hoạch các công trình công cộng:

TT	Tên công trình	Quy mô (m ²)	Vị trí	Định hướng quy hoạch
A	Công trình giáo dục:			
1	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Nam Du (điểm chính. <i>(nâng thành Trung học CS và Trung học phổ thông)</i>)	3.480	Hòn Ngang	Chỉnh trang lại trường Trung học cơ sở Nam Du, Quy hoạch mới trường Trung học phổ thông.
2	Tiểu học Nam Du (điểm phụ An Phú)	2.922	Hòn Ngang	Chỉnh trang lại điểm phụ Tiểu học và bố trí mới điểm Mầm Non
3	Trường Mầm non An Bình	646	Hòn Ngang	Quy hoạch chỉnh trang
4	Tiểu học Nam Du (Điểm phụ Hòn Mấu)	667	Hòn Mấu	Chỉnh trang lại điểm phụ Tiểu học
		735	Hòn Mấu	Bố trí mới điểm Mầm Non
B	Công trình Cơ quan, trụ sở, công trình thương mại dịch vụ:			
1	Ủy ban nhân dân xã Nam Du, các ban ngành xã	6.475	Hòn Ngang	Quy hoạch chỉnh trang
2	Trụ sở công an xã	587	Hòn Ngang	Quy hoạch chỉnh trang
3	Xã đội	574	Hòn Ngang	Quy hoạch chỉnh

				trang
4	Hội chữ thập đỏ Nam Du	261	Hòn Ngang	Quy hoạch chỉnh trang
5	Trụ sở ấp An Phú kết hợp nhà văn hoá	300	Hòn Ngang	Quy hoạch chỉnh trang
6	Trụ sở ấp An Bình kết hợp nhà văn hoá	203	Hòn Ngang	Quy hoạch mới
7	Trụ sở ấp Hòn Mấu kết hợp nhà văn hoá	708	Hòn Mấu	Quy hoạch mới
8	TTVH hoá xã Nam Du	2.217	Hòn Ngang	Quy hoạch mới
9	Trạm y tế xã Nam Du	817	Hòn Ngang	Quy hoạch chỉnh trang
10	Bưu điện Hòn Mấu	155	Hòn Mấu	Quy hoạch chỉnh trang
11	Chợ xã Nam Du	4.891	Hòn Ngang	Quy hoạch mới

8. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật

8.1. Quy hoạch hệ thống giao thông bộ

a. Giải pháp bố trí giao thông:

- Hệ thống giao thông gồm các tuyến đường cấp: Nội bộ nhóm nhà ở, đường quanh đảo nối các khu nội bộ nhóm nhà trên từng đảo. Các tuyến đường này được kết nối với nhau tạo thành một mạng lưới giao thông linh hoạt, thuận tiện nhất cho việc lưu thông;

- Tuân thủ chặt chẽ theo các thông số kỹ thuật quy định nhằm đảm bảo an toàn cho các phương tiện khi tham gia lưu thông, phù hợp với việc tổ chức hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác, đặc biệt là tổ chức san nền và thoát nước mưa.

b. Quy hoạch bố trí giao thông:

- Phạm vi quy hoạch gồm các tuyến đường: Bao gồm các đường phố khu vực và đường nội bộ.

- Bán kính bó vỉa tối thiểu:

+ $R=3m$ đối với các vuốt nối từ đường nội bộ khu nhà ở ra tuyến đường chính;

+ $R=8m$ đối với các tuyến đường nội bộ trong khu vực ra các tuyến đường chính.

c. Mặt cắt dọc tuyến:

Đảm bảo nước mặt thoát dễ dàng với độ dốc tối thiểu 0.3%.

d. Mặt cắt ngang: Mặt cắt ngang được thiết kế với độ dốc:

- Đối với lòng đường độ dốc 2%.

- Đối với phạm vi vỉa hè độ dốc 1,5%.

e. Lộ giới: Tổ chức nhiều loại hình đường đối nội đối ngoại phù hợp như:

- Đường phố khu vực: Mặt cắt từ 14 - 16m.
- Đường phố nội bộ: Mặt cắt từ 7 - 10m.
- + Đường N1: Mặt rộng 6 - 10,5 mét vỉa hè mỗi bên từ 0-3 mét tùy theo từng vị trí.
- + Đường N2: Mặt rộng 6 mét vỉa hè mỗi bên 0-3 mét tùy theo từng vị trí.
- + Đường N4: Mặt rộng 3,5 mét vỉa hè mỗi bên 1,5 mét.
- + Đường N5: Mặt rộng 3,5 mét vỉa hè mỗi bên 1,5 mét.
- + Đường N6: Mặt rộng 8 mét vỉa hè mỗi bên từ 2 mét.
- + Đường N7: Mặt rộng 3 mét vỉa hè mỗi bên 1,5 mét.
- + Đường N8: Mặt rộng 6 mét vỉa hè mỗi bên 0-3 mét tùy theo từng vị trí.
- + Đường M1: Mặt rộng 3 mét vỉa hè mỗi bên 0-3 mét tùy theo từng vị trí.
- + Đường M2: Mặt rộng 3 mét vỉa hè mỗi bên 3 mét.
- + Đường M3: Mặt rộng 3 mét vỉa hè mỗi bên 0-3 mét tùy theo từng vị trí.
- + Đường M4: Mặt rộng 3 mét vỉa hè mỗi bên 3 mét.
- + Đường M5: Mặt rộng 4 mét vỉa hè mỗi bên 0-3 mét tùy theo từng vị trí.
- + Đường M6: Mặt rộng 3 mét vỉa hè mỗi bên 0-3 mét tùy theo từng vị trí.
- + Đường M7: Đoạn có dây phân cách rộng 10m: mặt rộng 4+4 mét vỉa hè mỗi bên 3 mét. Đoạn không có dây phân cách: mặt rộng 4 mét vỉa hè mỗi bên 0-3 mét tùy theo từng vị trí.

8.2. Quy hoạch hệ thống bến bãi

- Hòn Mấu có 2 bến tàu: HM1 nằm ở phía Bắc, HM2 nằm ở phía Nam.
- Hòn Ngang có 3 bến tàu: HN1 nằm ở phía Tây, HN2 nằm ở phía Đông.

8.3. Quy hoạch hệ thống cấp nước

a. Nguồn cấp nước

Nguồn nước mặt: Khai thác hiệu quả nguồn nước ngọt trên các đảo chủ yếu là lượng nước mưa, nước ngầm. Tăng cường xây dựng các hồ, bể chứa nước để trữ nước trong mùa mưa dùng cho các mùa khác, phục vụ nhu cầu sinh hoạt của người dân cũng như nhu cầu du lịch trong tương lai.

b. Nhu cầu dùng nước

- Dân số tính toán hạ tầng dự án là 9.614 người được tính trong bảng sau.
- Tổng nhu cầu sử dụng nước: 1.848,8 (m^3 /ngày)
- Xây dựng 03 trạm cấp nước tổng công suất: 2.000,0 (m^3 /ngày)
- + 01 trạm cấp nước tập trung công suất 1.000,0 (m^3 /ngày)
- + 01 trạm cấp nước tập trung công suất 700,0 (m^3 /ngày)

+ 01 trạm cấp nước tập trung công suất mỗi trạm 300,0 ($m^3/ngày$)

c. Thiết kế mạng lưới cấp nước cho dự án

Dựa vào mạng lưới quy hoạch giao thông, phân khu chức năng khu quy hoạch và vị trí đầu vào của tuyến ống cấp nước chính cho toàn khu quy hoạch. Thiết kế mạng lưới cấp nước cho khu xây dựng theo dạng mạng vòng, ngoài việc đảm bảo cấp nước cho khu dự án. Cột áp tại từng khu tối thiểu $H=12m$.

8.4. Quy hoạch hệ thống thoát nước

a. Nguồn tiếp nhận:

Nước mưa trên địa bàn một phần được thu gom bằng hệ thống cống, rãnh BTCT sau đó thoát ra kênh sau đó đổ ra biển, một phần diện tích rừng và cây lâu năm thoát tự nhiên và tự thấm.

b. Mạng lưới đường cống:

- Các tuyến cống được thiết kế theo chế độ tự chảy với độ dốc đảm bảo không xảy ra hiện tượng xói mòn hay bồi lắng trong cống; cống ngang đường sử dụng cống tròn bê tông cốt thép, sau đó thoát ra kênh rạch và đổ ra biển. Toàn bộ hệ thống sử dụng cống tròn bê tông cốt thép đúc sẵn.

- Mạng lưới đường cống được thiết kế với đầy đủ các thông số kỹ thuật như kích thước, độ dốc, hướng thoát, cao độ điểm đầu, điểm cuối, miệng xả và phải đảm bảo các yêu cầu như đã nêu trong QCVN 07-2016.

8.5. Quy hoạch hệ thống thoát nước và xử lý chất thải rắn

a. Quy hoạch thoát nước thải

- Tổng nhu cầu thoát nước : 904,2 ($m^3/ngày$)
- Xây 02 trạm xử lý nước thải tổng công suất: 950,0 ($m^3/ngày$):
- + 01 trạm xử lý nước thải công suất: 600,0 ($m^3/ngày$)
- + 01 trạm xử lý nước thải công suất: 350,0 ($m^3/ngày$)
- Hệ thống thoát nước thải bản bao gồm tất cả các thiết bị thu gom, mạng lưới đường cống thu nước thải bản (hướng thoát về khu xử lý nước thải).
- Đường cống thoát nước bản là cống tròn, vật liệu bê tông cốt thép hoặc chịu lực và không thấm.

b. Xử lý chất thải rắn:

- Chất thải rắn trong khu quy hoạch chủ yếu là rác thải sinh hoạt.
- Rác thải sinh hoạt được phân loại tại nguồn, thu gom về điểm tập kết rác rồi đưa đến khu xử lý rác thải chung. Rác thải được phân loại tại nguồn như sau:
- + Thùng chứa rác không tái chế: rác thực phẩm và chất hữu cơ dễ phân huỷ.
- + Thùng chứa rác thải tái chế: các loại rác còn lại: ni lông, nhựa, thủy tinh...

8.6. Quy hoạch hệ thống cấp điện và chiếu sáng đô thị

a. Nguồn cấp điện:

- Sử dụng nguồn điện lưới Quốc gia thông qua tuyến trung thế 22KV kéo vượt biển từ xã Lại Sơn đến An Sơn và Nam Du để cấp điện cho toàn bộ khu vực 02 xã.

- Tổng công suất dự báo là: 4.975,25KVA. Trên địa bàn xã Nam Du xây dựng mới 17 trạm biến áp có công suất từ 100kVA đến 2000kVA để cung cấp điện cho nhu cầu sản xuất, sinh hoạt và chiếu sáng đường giao thông trong khu vực quy hoạch, tùy thuộc vào quy mô và chức năng từng công trình mà xây dựng trạm biến áp có công suất phù hợp.

b. Chiếu sáng:

Đèn đường được bố trí trên trục đường theo phương án chiếu sáng 1 bên, 2 bên phụ thuộc vào độ chói yêu cầu, kết cấu mặt đường và mặt cắt ngang của đường. Cột chiếu sáng là cột thép, mạ kẽm nhúng nóng, chiều cao cột 7m-12m.

8.7. Quy hoạch hạ tầng nghĩa trang

Theo định hướng xã Nam Du không bố trí đất hạ tầng nghĩa trang mà chủ yếu sử dụng đất hạ tầng nghĩa trang tập trung tại xã An Sơn. Khuyến khích người dân sử dụng hình thức hỏa táng để đảm bảo vệ sinh môi trường và tiết kiệm quỹ đất xây dựng.

9. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn vốn

Trong giai đoạn từ nay đến 2025, nhu cầu đầu tư chủ yếu vào nâng cấp, hoàn thiện hệ thống giao thông nông thôn. Nâng cấp, cải tạo hạ tầng xã hội (trường học, trạm y tế). Đầu tư thêm vào hệ thống điện, chiếu sáng, phát điện.

Nguồn lực thực hiện:

- Chủ yếu từ vốn ngân sách nhà nước, gồm vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn xổ số kiến thiết, vốn phát triển giao thông nông thôn, vốn thu tiền sử dụng đất...

- Kêu gọi nguồn lực từ tổ chức, cá nhân, xã hội hóa đầu tư cho giao thông, điện, cấp thoát nước, khu dân cư, khu sản xuất tiểu thủ công nghiệp...

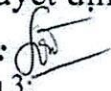
- Lồng ghép sử dụng các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình hỗ trợ xây dựng nông thôn mới.

- Huy động nguồn lực đầu tư bằng nhiều hình thức, sử dụng vốn ngân sách cho các chương trình, dự án cấp thiết phục vụ nhu cầu của cộng đồng dân cư.

Điều 2. Giao Phòng Kinh tế hạ tầng - Tài nguyên và Môi trường huyện Kiên Hải triển khai thực hiện đúng theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng các phòng, ban; Chủ tịch UBND xã Nam Du; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. 

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- CT và các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, KTHT-TN&MT.



CHỦ TỊCH


Nguyễn Quốc Tuấn

